

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103008922 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2007, sửa đổi lần 1 ngày 20/09/2010)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: .../ĐKGD do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Địa chỉ : Km9, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, T.p. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08)38969612 - 37312466 Fax : (08) 37310154

Email : thepthuducvkc@vnn.vn Website: www.thepthuduc.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0560

Phụ trách công bố thông tin:

– Giám đốc : Hoàng Ngọc Oanh

Số điện thoại: (08) 37312466

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103008922 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/09/2010)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng)
- Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 12.225.393 cổ phiếu.
- Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 122.253.930.000 VNĐ
- Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán -AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại : 84 – 4 – 8241990/1 Fax : 84 – 4 – 8253973

Email : aasc-ndd@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

- Tổ chức cam kết hỗ trợ:



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	4
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	5
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	46
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	48
VII. PHỤ LỤC	48

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Trong một thời gian dài, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2005 là 8,4%, năm 2006 đạt 8,7%, năm 2007 đạt 8,5%. Sau thời kỳ tăng trưởng ấn tượng, tỷ lệ lạm phát cao trong hai năm 2007 – 2008 và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế chững lại. Tăng trưởng GDP năm 2008 chỉ còn 6,5% , năm 2009 là 5,32%, năm 2010 là 6,78% và Quốc Hội đặt ra cho năm 2011 bình quân là 7-8%.

Cũng như các ngành sản xuất khác, tốc độ phát triển ngành thép phụ thuộc vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm tới, dự tính nhu cầu về thép sẽ tăng cao để đáp ứng nhu cầu về đầu tư xây dựng. Đặc biệt, mức độ hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới ngày càng mạnh mẽ sẽ mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành thép, đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể đứng vững trên thị trường. Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động phức tạp, nhiều lĩnh vực sản xuất ở Việt Nam, đặc biệt là những lĩnh vực phụ thuộc vào nguyên, nhiên liệu nhập khẩu, đều gặp khó khăn. Giá cả hàng hóa trong nước cũng tăng cao, gây áp lực không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế. Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức chịu ảnh hưởng nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành thép nói riêng

2. Rủi ro về luật pháp:

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:

3.1 *Rủi ro về các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào*

Ngành Thép Việt Nam đang phải chịu hậu quả của việc đầu tư lệch, cả nước có rất ít nhà máy luyện phôi và đa phần nguồn nguyên liệu phôi thép phải nhập khẩu; các nhà máy chủ yếu chỉ cán thép. Cả nước hiện có khoảng 40 nhà máy thép, trong đó những nhà máy có sản xuất phôi chỉ đếm trên đầu ngón tay và mới chỉ đáp ứng được khoảng 50% - 60% nhu cầu. Tuy nhiên cần lưu ý là đa phần nhà máy sản xuất phôi cũng chỉ làm công đoạn cuối là nhập phế liệu sắt thép về để luyện thành phôi thép chứ chưa luyện được phôi từ quặng (hiện nay chỉ có Nhà máy Thép Thái Nguyên là có sản xuất phôi từ quặng với sản lượng còn khiêm tốn khoảng 250.000 tấn/năm). Mặc dù hiện nay nhà nước đã có những bước đi thay đổi tình hình này như cấp phép khai thác quặng và luyện phôi thép cho các nhà thầu lớn như Tata (Ấn độ); Formosa (Đài Loan) để bổ sung nguồn phôi thép nội địa, nhưng cho đến nay vẫn chưa có dự án nào đi vào khả quan.

Vì thế Ngành thép vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu, thành phẩm nhập khẩu, do vậy, sản xuất thường bị động và chịu nhiều thiệt hại khi giá cả thị trường biến động.

Ngoài ra, hiện nay ngành Thép còn gặp rủi ro giá cả các nhiên liệu quan trọng khác tăng mạnh như giá than, giá điện, chi phí vận chuyển, các phụ gia v.v. đồng loạt tăng giá trong những tháng đầu năm 2011, đẩy chi phí sản xuất tăng cao.

Điện: Quyết định về giá điện năm 2011 vừa chính thức được Thủ tướng phê duyệt chiều 23/02/2011, với giá bán bình quân 1.242 đồng/kWh áp dụng từ 01/03/2011, tăng 165 đồng/kWh so với giá bình quân năm 2010.

Than: Từ ngày 01/04/2011, Tập đoàn công nghiệp than và khoáng sản (TKV) đã tăng giá bán than kể từ ngày 1-4 đồng thời thừa nhận rằng riêng năm 2011 mức tăng giá bình quân từ 20% đến 40% so với giá cũ là mức tăng cao hơn bình quân từ 14% đến 15%/năm. Từ đó đây chi phí sản xuất Thép tăng lên.

Xăng dầu: Từ đầu năm 2011 đến nay, giá xăng tiếp tục tăng 2 lần, tổng cộng tăng 4.900 đ/lít, làm chi phí vận chuyển tăng đáng kể, ảnh hưởng không nhỏ tới ngành Thép.

3.2 *Rủi ro thừa nguồn cung*

Ngoài rủi ro thiếu về đầu vào thì rủi ro về thừa đầu ra đối với ngành Thép cũng đang là bài toán cần lưu ý.

Hiệp hội Thép VN cho biết hiện công suất các nhà máy thép đang hoạt động lên đến 8 triệu - 9 triệu tấn/năm, trong khi nhu cầu sử dụng thép xây dựng chỉ khoảng 4,5 triệu tấn/năm. Ngoài ra, trong Quy hoạch phát triển ngành thép đến năm 2025 với tổng công suất 20 triệu tấn/năm. Tuy nhiên tính đến thời điểm này, số lượng dự án thép được cấp phép trên cả nước đã có tổng công suất 40 triệu tấn/năm, vượt gấp đôi so với quy hoạch.

Vì thế nếu không có những chính sách cụ thể và đồng bộ, rủi ro các nhà máy thép sản xuất mà không có nơi tiêu thụ sẽ không thể tránh khỏi.

3.3 Rủi ro cạnh tranh

Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết, từ năm 2010, ngành thép Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nội địa. Ngành thép Việt Nam sẽ không còn được hưởng ưu đãi về chính sách thuế do thực hiện đầy đủ các cam kết hội nhập WTO kể từ năm 2010 trở đi. Do đó trong năm tới, thép nội sẽ phải cạnh tranh gay gắt với thép nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước ASEAN. Hơn nữa nhiều dự án thép mới đã đi vào sản xuất trong năm 2010 đã tăng thêm sự mất cân đối giữa nguồn cung và mức tiêu thụ của thị trường, dẫn tới sự cạnh tranh không chỉ với thép ngoại mà cả giữa các doanh nghiệp thép nội với nhau.

Trên thị trường thế giới, xuất khẩu thép của Việt Nam rất mờ nhạt, từ năm 2009 Việt Nam có xuất khẩu thép sang một số nước như Mỹ, Campuchia v.v. nhưng phần lớn mới chỉ là thăm dò, chưa hề tạo được thương hiệu thép Việt trên thế giới. Từ năm 2012 trở đi, nếu các dự án thép dẹt đi vào hoạt động đúng tiến độ, Việt Nam mới có thể đẩy mạnh xuất khẩu thép ra thế giới.

3.4 Rủi ro lãi suất và tỷ giá

Năm 2011, chương trình hỗ trợ lãi suất đã không còn được áp dụng cho các công ty trong ngành Thép; do vậy chi phí lãi vay sẽ tăng cao, đặc biệt trong bối cảnh chính phủ đang muốn hạn chế lạm phát bằng cách giảm nguồn cung tiền, thu hẹp nguồn cho vay đối với các công ty trong ngành và ngành bất động sản sẽ làm giảm doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành Thép.

4. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức đăng ký giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

Ông Hoàng Ngọc Oanh Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Dương Minh Chính Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Đỗ Thị Long Châu Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức cam kết hỗ trợ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP.HỒ CHÍ MINH

Ông Nguyễn Văn Trung Chức vụ: Giám đốc Chi Nhánh

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi Nhánh TP.HCM tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
Công ty / TDS	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức
VIKIMCO	Việt Nam Kim Khí Công ty (tiền thân của CTCP Thép Thủ Đức)
FPTS:	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Tổ chức cam kết hỗ trợ:	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****a. Thông tin chung về công ty:**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC
- Tên giao dịch quốc tế: THU DUC STEEL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VIKIMCO
- Trụ sở chính: Km9, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, T.p. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38969612 - 37312466
- Fax: (08) 37310154
- Mã số thuế: 0305409326
- Website: www.thepthuduc.com.vn
- Logo:

**b. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**

Theo Giấy CNĐKK số: 4103008922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2007, thay đổi lần 1 ngày 20/09/2010, ngành nghề đăng ký của công ty gồm: Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên vật liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông cơ khí, công nghiệp. Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí. Kinh doanh, khai thác cảng. Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

Trong đó 2 ngành chính là **sản xuất thép** và **sản xuất oxy**.

c. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được hình thành từ những năm 1960 với tên ban đầu là Việt Nam Kim Khí Công ty VIKIMCO, do chủ người Việt Nam điều hành và quản lý. Cơ sở vật chất lúc ban đầu rất nghèo nàn chỉ có một phân xưởng cán, sản xuất ra một vài loại

- sản phẩm thép tròn như $\varnothing 8$, $\varnothing 12$ với sản lượng khoảng 500–1.000T/năm, bằng nguồn phôi nhập khẩu kích thước 50 x 50.
- Sau ngày Miền Nam giải phóng thống nhất đất nước (30/04/1975), nhà máy vẫn được điều hành và quản lý bởi chủ cũ.
 - Từ ngày 01/01/1978 VIKIMCO chính thức được đặt dưới sự điều hành và quản lý của Công Ty Luyện Kim Đen (tiền thân của Tổng Công ty Thép Việt Nam) thuộc Bộ Cơ Khí và Luyện Kim và được đổi tên thành Nhà máy Quốc Doanh Cán Thép VIKIMCO.
 - Giai đoạn từ 1978 ÷ 1985: đây là thời kỳ nhà máy tập trung xây dựng đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng như nhà làm việc, nhà ăn, đường xá nội bộ và các công trình công cộng khác. Cũng trong giai đoạn này nhà máy đã tập trung mọi cố gắng vượt qua rất nhiều khó khăn để vừa duy trì sản xuất, vừa từng bước cải tạo công nghệ cán thép, đưa công nghệ sản xuất thép $\varnothing 6$ chất lượng cao vào hoạt động. Sản phẩm chủ yếu lúc này vẫn là thép tròn $\varnothing 6$, $\varnothing 8$ và sản lượng những năm cuối của giai đoạn này đã được nâng lên từ 10.000 ÷ 15.000 tấn/năm.
 - Giai đoạn từ 1985 ÷ 1990: Phát huy những thành quả đạt được của giai đoạn trước về công nghệ cán, nhà máy tiếp tục đầu tư để cải tiến máy móc thiết bị, lò nung nên đã góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tháng 08/1988 nhà máy đổi tên thành Nhà máy Thép Thủ Đức.
 - Đứng trước tình hình sản xuất ngày càng phát triển, việc cung cấp thép thời cho nhà máy đã bộc lộ sự mất cân đối. Để giải quyết vấn đề này, Xí Nghiệp Liên Hợp Luyện Cán Thép (tiền thân của Tổng Công ty Thép Việt Nam) đã quyết định đầu tư xây dựng phân xưởng Luyện thép với một lò luyện thép bằng điện hồ quang, công suất 8 tấn/mẻ tại nhà máy. Tháng 08/1990 lò luyện thép cho ra mẻ thép đầu tiên đánh dấu bước chuyển biến vượt bậc của nhà máy trong việc hoàn thiện năng lực sản xuất. Sản lượng thép của nhà máy đạt được ở những năm cuối của giai đoạn này đã được nâng lên 30.000 tấn/năm.
 - Giai đoạn 1991 ÷ 1995: Đây là giai đoạn nhà máy tiếp tục được đầu tư để phát triển sản xuất, tổng số tiền đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng là 90 tỷ đồng. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng như :
 - Lắp đặt thêm 1 lò luyện thép hồ quang 12 tấn/mẻ.
 - Lắp đặt dây chuyền đúc thép liên tục 2 dòng có công suất 70.000 tấn/năm.
 - Lắp đặt dây chuyền sản xuất Oxy công suất 150 m³/giờ phục vụ cường hóa trong quá trình nấu luyện.
 - Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò luyện thép.
 - Lắp đặt trạm cấp điện 12,5 MVA cung cấp điện cho 2 lò thép.
 - Lắp đặt phân xưởng cán mới công suất 120.000 tấn/năm.

- Lắp đặt các thiết bị để phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm như máy kéo nắn, máy phân tích quang phổ .vv...
- Từ năm 1995 nhà máy đã đưa các công trình trên vào khai thác sử dụng, nâng năng lực sản xuất thép thời của nhà máy lên 50.000 tấn/năm và năng lực sản xuất của 2 phân xưởng cán lên 160.000 tấn/năm. Sản lượng thép cán đạt được trong những năm 1996 ÷ 1998 đạt xấp xỉ 100.000 tấn/năm, tăng 10 ÷ 15 lần so với những năm đầu.
- Giai đoạn 2000 đến nay: Ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9002:1994 và nay là ISO-9001:2000.
- Từ vài loại sản phẩm lúc ban đầu, đến nay sản phẩm của nhà máy sản xuất ra đa dạng hơn, với hơn 20 chủng loại sản phẩm từ Ø6 đến Ø32. Sản phẩm chủ yếu là thép cuộn và thép thanh, với các dạng tròn trơn hoặc gân vằn. Về mác thép đó là các loại thép xây dựng thông thường, thép cacbon thường và thép hợp kim thấp độ bền cao, theo các tiêu chuẩn TCVN, GOST (Г OCT), JIS, ASTM, BS.
- Chất lượng sản phẩm thép cán của nhà máy thường xuyên được quan tâm và ngày càng hoàn thiện, đến nay thép của Công ty Thép Thủ Đức (VIKIMCO) đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường trong nước. Mục tiêu phấn đấu của Công ty là tiếp tục vươn lên để sản phẩm của Công ty tiêu thụ ổn định tại thị trường trong nước và từng bước tham gia xuất khẩu vào thị trường các nước trong khu vực.
- Căn cứ quyết định số 267/2006/QĐ-TTg ngày 23/11/2006 của Thủ Tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam, Công ty Thép Thủ Đức là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam .
- Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp số 2254/QĐ - BCN ngày 29/06/2007 về việc cổ phần hoá Công ty Thép Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam.
- Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần từ 01/01/2008.

d. Quá trình tăng vốn

Từ ngày thành lập năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 111.140 triệu đồng. Đến tháng 09/2010, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 122.253,93 triệu đồng để trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu.

Diễn biến tăng vốn điều lệ của công ty từ ngày thành lập Công ty đến nay

Thời gian	Cơ sở pháp lý	Vốn tăng thêm (VNĐ)	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nguồn tăng
Năm 2007	Giấy chứng nhận ĐKKD ngày		111.140.000.000	

	29/12/2007			
Năm 2010	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22/04/2010	11.113.930.000	122.253.930.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 198/NQ-VKC ngày 22/04/2010, Đại hội đồng cổ đông công ty đã nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 111.140.000.000 đồng lên 122.254.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết số 104/NQ/VKC ngày 04/05/2010 để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu thực hiện vào tháng 05/2010. Sau khi hoàn thành việc phát hành, Công ty đã tăng vốn điều lệ công ty từ 111.140 triệu đồng lên 122.253,93 triệu đồng đồng thời Công ty đã thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 cho Ủy ban chứng khoán.

e. Định hướng phát triển của công ty

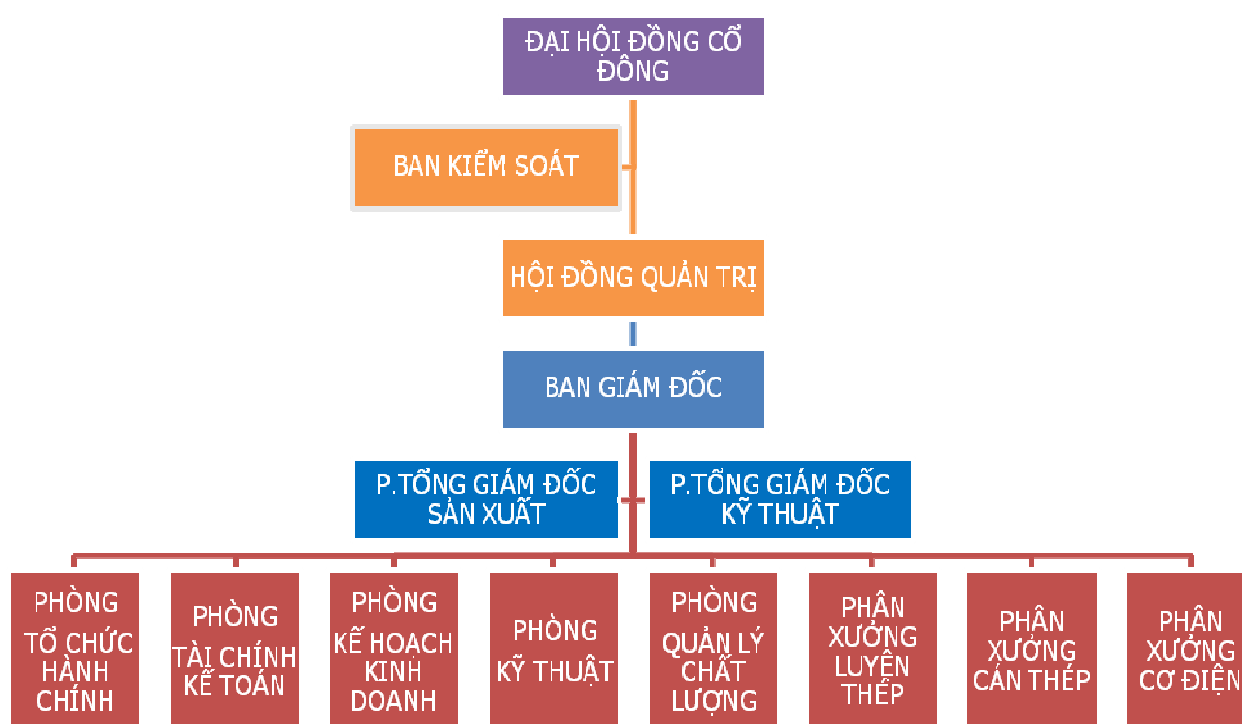
Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ từng bước mở rộng thị trường, đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh, sắp xếp lại lực lượng lao động để tăng doanh thu và lợi nhuận, gia tăng lợi ích cho cổ đông. Định hướng của Công ty như sau:

- củng cố và đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ – thiết bị sản xuất hiện hữu đảm bảo sản xuất kinh doanh được duy trì liên tục và có hiệu quả.
- Hoạt động phù hợp với định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thép Việt Nam và những chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Đưa Công ty ngày càng phát triển, gia tăng lợi nhuận trên cơ sở phấn đấu mức tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 5%, tăng năng suất, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
- Đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động và cổ đông của Công ty, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các chính sách tài chính của Nhà nước.
- Duy trì và mở rộng các thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa và xuất khẩu hiện hữu thông qua các kênh phân phối của Tổng công ty Thép Việt Nam.
- Chủ động xây dựng qui chế chính sách về tiêu thụ sản phẩm phù hợp với chủ trương của Công ty mẹ vừa phát huy tính tự chủ của công ty cổ phần. Xây dựng các đại lý ở các khu vực và bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức là thành viên thuộc Tổng Công ty Thép Miền Nam. Trong đó Tổng công ty Thép Việt Nam chiếm 65% vốn của công ty.
- Hiện nay Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức không có công ty con.
- Tổng Công ty thép Việt Nam hiện có 15 Công ty con; 7 đơn vị trực thuộc và 21 công ty liên kết.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải):



Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 5 thành viên.

Ban kiểm soát

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Tổng Giám Đốc

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Chịu trách nhiệm về tổ chức, hoạt động và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức nghiên cứu thị trường, xây dựng phương án, đầu tư phát triển Công ty dài hạn và hàng năm.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch đó.
- Tổ chức thực hiện các dự án phát triển theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị duyệt.
- Thực hiện trực tiếp các hợp đồng kinh tế.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký. Giải quyết các khiếu nại về sản phẩm
- Quản lý đội ngũ CBCNV trong Công ty, xây dựng cán bộ kế cận.
- Phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống của người lao động theo qui định của Luật lao động và Luật Công đoàn.
- Chịu sự quản lý của nhà nước và chấp hành các nghĩa vụ đối với địa phương theo qui định của pháp luật.
- Tổ chức công tác bảo vệ an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trong công ty.

Phó Tổng Giám Đốc sản xuất:

- Điều độ sản xuất.
- Triển khai thực hiện công tác đầu tư.
- Công tác thu mua phế liệu.
- Chủ tịch Hội đồng lương sản phẩm Công ty
- Thay thế Tổng giám đốc khi Tổng giám đốc vắng mặt.

Phó Tổng Giám Đốc kỹ thuật:

- Thay mặt Tổng giám đốc quản lý, tổ chức công tác kỹ thuật: Cán thép, Luyện thép, Cơ điện, Xây dựng cơ bản, Sáng kiến sáng chế.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, và bảo hộ lao động nhằm đảm bảo các điều kiện an toàn cho người và thiết bị. Công tác huấn luyện An toàn Lao động.
- Công tác phòng chống cháy nổ.
- Công tác đào tạo của Công ty: Đào tạo nâng bậc, nâng cao tay nghề, đào tạo chuyển vị trí công tác, đào tạo lại.
- Phụ trách trực tiếp Phòng Kỹ thuật, mảng đào tạo của Phòng Tổ chức Hành chính.

Chức năng các phòng ban, phân xưởng

Phòng Tài chính Kế toán:

- Dựa vào kế hoạch SXKD lập kế hoạch tài chính.
- Tổ chức quản lý, hóa đơn chứng từ, thực hiện các qui định về tài chính, nghiệp vụ kế toán đúng quy định của nhà nước.
- Kiểm tra chặt chẽ giá cả các hợp đồng kinh tế.
- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, quyết toán các công trình chính xác, kịp thời.
- Báo cáo HĐQT, Tổng giám đốc và cơ quan nghiệp vụ về công tác tài chính kế toán theo qui định.
- Báo cáo tài chính với các cơ quan bên ngoài kịp thời và đúng qui định.

Phòng Tổ chức Hành chính:

- Tham mưu, triển khai các quyết định của Giám đốc:
- Công tác tổ chức lao động, nhân sự, quản lý hồ sơ cá nhân.
- Công tác tiền lương.

- Công tác đào tạo, tuyển dụng.
- Công tác chế độ, chính sách.
- Công tác hành chính văn thư, lưu trữ.
- Công tác trang thiết bị văn phòng.
- Công tác nhà ăn, căng-tin.
- Công tác Đội bảo vệ và Trạm y tế.
- Thực hiện các chế độ báo cáo với Tổng giám đốc và cơ quan nghiệp vụ cấp trên.
- Thực hiện công tác bảo vệ tài sản và an ninh nội bộ Công ty.
- Phối hợp với địa phương và các đơn vị lân cận để bảo đảm an ninh khu vực.
- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, tổ chức đội PCCC của Công ty.
- Triển khai việc huấn luyện phòng cháy nổ.
- Tổ chức kiểm soát người, phương tiện vào ra Công ty.

Phòng Kế hoạch kinh doanh:

- Lập kế hoạch sản xuất hàng ngày, tháng trình Tổng giám đốc Công ty.
- Thống kê, báo cáo kết quả sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm.
- Giám sát việc thu mua, nhập và cung ứng vật tư, nguyên nhiên liệu đầy đủ, kịp thời cho sản xuất.
- Bảo đảm số lượng, chất lượng vật tư, nguyên nhiên liệu, thành phẩm lưu kho.
- Kiểm tra nội dung các hợp đồng kinh tế (của phòng) trước khi trình Tổng giám đốc ký duyệt.
- Quản lý phân phối phế phẩm, phế liệu của phân xưởng luyện, cán trong việc tái sử dụng.
- Quản lý Đội xe, điều phối sử dụng có hiệu quả các phương tiện vận tải trong Công ty.
- Công tác bán hàng và giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- Thông báo KHSX và việc cung ứng các vật tư đã yêu cầu đến các đơn vị.
- Giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tác nghiệp của các phân xưởng và các đơn vị liên quan trong Công ty.
- Phát hiện và giải quyết những vướng mắc trong sản xuất, tổ chức phương tiện, nhân lực giải quyết nhanh gọn những vướng mắc xảy ra.

- Theo dõi, báo cáo tình hình sản xuất trong ngày và kế hoạch sản xuất cho những ngày kế tiếp; thông báo những tồn tại vướng mắc trong sản xuất tới Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất.
- Triển khai kế hoạch tác nghiệp tuần, tháng.
- Lập sổ theo dõi khắc phục phòng ngừa, tập hợp vào báo cáo trình Giám đốc giải quyết.
- Giám sát việc thực hiện các phiếu đề xuất và thời hạn hoàn thành đã thoả thuận.

Phòng Kỹ Thuật:

- Thực hiện công tác kỹ thuật Cán thép- Luyện thép- Cơ Điện -Xây dựng cơ bản, kỹ thuật an toàn BHLĐ.
- Phối hợp và hỗ trợ cho các bộ phận công việc có liên quan đến nghiệp vụ của phòng.
- Theo dõi, phát hiện những tồn tại về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, tổng kết nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục phòng ngừa.
- Tổ chức nghiên cứu, thiết kế, đề xuất, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, chế thử sản phẩm mới; quản lý và tham gia xét duyệt về sáng kiến-cải tiến kỹ thuật.
- Tham gia xây dựng các chỉ tiêu kinh tế, định mức vật tư kỹ thuật; theo dõi và đề xuất các biện pháp giảm các chỉ tiêu tiêu hao.
- Tổ chức việc chuẩn bị cho sửa chữa lớn; đơn đặt hàng cơ khí; kế hoạch sửa chữa lớn và đầu tư chiều sâu; kế hoạch triển khai sửa chữa lớn, đại tu thiết bị và các kế hoạch bảo trì theo phân cấp quản lý thiết bị.
- Tổ chức biên soạn, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành hệ thống quản lý thuộc lĩnh vực kỹ thuật.
- Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của phòng với giám đốc và cơ quan nghiệp vụ cấp trên. Tổ chức Hội nghị công tác kỹ thuật cơ điện hằng năm.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu về công tác Kỹ thuật theo qui định của Công ty.
- Triển khai kiểm tra định kỳ thiết bị, theo dõi và chỉ đạo sửa chữa các thiết bị trọng yếu theo phân cấp và các điểm sự cố đột xuất.
- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các loại vật tư, thiết bị trước khi nhập kho.
- Tham gia đào tạo nâng bậc, đào tạo mới công nhân.

Phòng Quản lý chất lượng:

- Lập kế hoạch, tổ chức việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thép thời, thép cán, thép thời, oxy do khách hàng cung cấp và do Công ty sản xuất.

- Đào tạo tay nghề cho nhân viên KCS.
- Quản lý trang thiết bị thí nghiệm thuộc phòng và bảo đảm tính hợp chuẩn, hợp pháp của các thiết bị đo.
- Báo cáo kết quả giám sát chất lượng lên ban Tổng giám đốc và cung cấp số liệu cho phòng KHKD,PKT.

Phân xưởng luyện thép:

- Sản xuất thép thời SD295A, BCT51, SD390 theo kế hoạch và lệnh sản xuất của Công ty.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.
- Quản lý và sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong phân xưởng. Tổ chức thực hiện việc bảo trì, sửa chữa thiết bị trong phân xưởng theo phân cấp. Hỗ trợ và tham gia cùng với đơn vị khác trong việc sửa chữa, kiểm định, thiết bị, dụng cụ và lắp đặt thiết bị mới trong phân xưởng.
- Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động cho người và thiết bị thuộc phân xưởng quản lý.
- Thẩm tra xác nhận việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng áp dụng trong sản xuất.
- Tìm các giải pháp khắc phục tình trạng hư hỏng, thiết bị, tỷ lệ phế phẩm cao và giám sát việc thực hiện các giải pháp đó.
- Tổ chức tốt việc bảo vệ các tài sản trong phân xưởng, công tác phòng gian bảo mật, công tác PCCC.
- Báo cáo số liệu sản xuất và tình hình thiết bị lên ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng.

Phân xưởng cán thép:

- Sản xuất các sản phẩm thép xây dựng từ Ø10 – Ø32 theo kế hoạch và lệnh sản xuất của Công ty.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.
- Quản lý và sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong phân xưởng. Tổ chức thực hiện việc bảo trì, sửa chữa thiết bị trong phân xưởng theo phân cấp. Hỗ trợ và tham gia cùng với đơn vị khác trong việc sửa chữa, kiểm định, thiết bị, dụng cụ và lắp đặt thiết bị mới trong phân xưởng.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động cho người và thiết bị thuộc phân xưởng quản lý.
- Thẩm tra xác nhận việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng áp dụng trong sản xuất.
- Tìm các giải pháp khắc phục tình trạng hư hỏng, thiết bị, tỷ lệ phế phẩm cao và giám sát việc thực hiện các giải pháp đó.
- Tổ chức tốt việc bảo vệ các tài sản trong phân xưởng, công tác phòng gian bảo mật, công tác PCCC.
- Báo cáo số liệu sản xuất và tình hình thiết bị lên ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng.

Phân xưởng cơ điện:

- Gia công, sửa chữa các chi tiết, thiết bị, phụ kiện phục vụ cho sản xuất luyện và cán thép.
- Tổ chức tốt việc bảo vệ tài sản trong phân xưởng gồm phòng gian, bảo mật, công tác phòng cháy chữa cháy.
- Báo cáo số liệu gia công, sửa chữa và tình hình thiết bị lên ban giám đốc và các phòng ban chức năng.

4. Danh sách cổ đông.

a. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của công ty tại ngày 30/11/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam	Số 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	4116001050	7.946.510	79.465,1	65
2	Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển GEMADEPT	2-4-6 Lê Thánh Tôn-P.Bến Nghé-Q.1-HCM	0301116791	1.332.295	13.322,95	10,9
3	TONG YANG VIET NAM PRIVATISATION INVESTMENT TRUST FUND 1	Suite 2905 Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Dist 1, HCMC	ASSET AFFAIRS - 00686	857.674	8.576,74	7,0

Nguồn: Sổ cổ đông CTCP Thép Thủ Đức lập ngày 30/11/2010

b. Cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày **30/11/2010**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam	Số 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	4116001050	7.946.510	79.465,1	65
2	Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển GEMADEPT	2bis-4-6 Lê Thánh Tôn-P.Bến Nghé-Q.1-HCM	059080	1.332.295	13.322,95	10,9

Nguồn: Giấy CNĐKKD số 4103008922 do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 29/12/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/09/2010 & Số cổ đông CTCP Thép Thủ Đức lập ngày 30/11/2010

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Công ty được thành lập từ ngày 29/12/2007, đến nay quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

c. Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/11/2010

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị	Tỷ lệ cổ phần
I	Tổ chức	05	10.881.404	108.814.040.000	89,01%
1	Trong nước	03	9.828.805	98.288.050.000	80,40%
2	Nước ngoài	02	1.052.599	10.525.990.000	8,61%
II	Cá nhân	506	1.343.989	13.439.890.000	10,99%
1	Trong nước	505	1.310.989	13.109.890.000	10,72%
2	Nước ngoài	01	33.000	330.000.000	0,27%
	Tổng cộng	511	12.225.393	122.253.930.000	100%

Nguồn: Sổ cổ đông CTCP Thép Thủ Đức lập ngày 30/11/2010


5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con:

- ❖ Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Thép Thủ Đức:
 - Tên Công ty : Tổng Công ty Thép Việt Nam
 - Địa chỉ : Số 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Số ĐKKD : 0106000848 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/02/2007.
 - Ngành nghề : Sản xuất thép và các kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị phụ tùng luyện kim và sản phẩm thép sau cán. Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép. Xuất nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm thép và nguyên nhiên liệu luyện, cán thép; phế liệu kim loại; cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác. Thiết kế, tư vấn thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại. Kinh doanh, khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ở; đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và bất động sản khác. Kinh doanh khí ôxy, nito, argon (kể cả dạng lỏng); cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị dẫn khí. Kinh doanh tài chính. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ du lịch, lữ hành. Xuất khẩu lao động.
 - Số lượng cổ phần : 7.946.510 cổ phần
 - Giá trị vốn góp : 79.465.100.000 VND
 - Tỷ lệ : 65%
- ❖ Danh sách những Công ty mà Công ty CP Thép Thủ Đức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: **Không có**

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1. Sản phẩm dịch vụ chính:

PHÔI THÉP	
	<p>Phôi thép mác BCT51 – SD295A – SD390 - sản lượng 80.000 tấn/ năm.</p>

THÉP XÂY DỰNG



Sản phẩm thép thanh của công ty có các loại sản phẩm: D10, D12, D13, D14, D16, D18, D19, D20, D22, D25, D28, D29, D30, D32. Chữ D là ký hiệu cho thép thanh gân vằn và hai chữ số kế tiếp là thể hiện cho thông số đường kính của thanh thép. Sản lượng 130.000 tấn/ năm.

OXY



Sản xuất oxy (lỏng; khí) đạt độ tinh khiết 99,5% cung ứng cho thị trường sản xuất công nghiệp và y tế.

6.2. Doanh thu và lợi nhuận gộp từng lĩnh vực sản xuất, dịch vụ qua các năm

Tỷ trọng Doanh thu, lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm qua các năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm	2009	%	2010	%	Quý I/2011	%
Doanh thu bán hàng	1.279.665	99,15%	1.607.552	99,06%	355.754	98,90%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.027	0,85%	15.264	0,94%	3.948	1,10%
Tổng doanh thu	1.290.692	100,00%	1.622.817	100,00%	359.703	100,00%

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm	2009	%	2010	%	Quý I/2011	%
Lợi nhuận gộp về bán hàng	117.115	99%	103.015	99%	33.521	98%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	1.183	1%	1.041	1%	684	1%
Tổng lợi nhuận gộp	118.298	100,00%	104.056	100,00%	34.205	100,00%

6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giữ gìn môi trường xanh và sạch
- Tiếp tục đầu tư thích hợp để tăng sản lượng và hiệu quả sản xuất
- Xác định mục tiêu lợi nhuận Công ty là mục tiêu quan trọng nhất, mọi hoạt động phải bám mục tiêu này. Vì vậy không sản xuất bằng mọi giá hoặc chạy theo sản lượng.
- Chú trọng công tác bán hàng, xây dựng nhiều biện pháp để đẩy mạnh tiêu thu sản phẩm.
- Chú trọng công tác quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, thực hành tiết kiệm:
- Đẩy mạnh sản xuất phôi thép để tạo chủ động trong việc cung cấp phôi cho cán, bột phụ thuộc phôi ngoài để tăng hiệu quả sản xuất. Nâng sản lượng bình quân 9.000 tấn/tháng. Đảm bảo đủ phế liệu cho nấu luyện bằng việc chủ động mua liệu trong nước với chất lượng tốt, phối hợp lý với liệu nhập khẩu.
- Thực hiện tốt công tác an toàn bảo hộ lao động, tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh môi trường.

6.3 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng

Để đáp ứng yêu cầu phát triển quan hệ kinh tế quốc tế theo hướng hội nhập, vượt qua rào cản kỹ thuật về thương mại trong quá trình hợp tác trao đổi hàng hoá. Kết quả thử nghiệm tại công ty được thừa nhận, không phải thử nghiệm lặp lại nhiều lần tại phòng thử nghiệm khác, không phân biệt hàng hóa được sản xuất trong nước hay nhập khẩu. Công ty cổ phần Thép Thủ Đức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tại công ty phù hợp ISO/IEC17025 (hiện nay đang áp dụng ISO/IEC17025 phiên bản 2005), đồng thời tham gia thực hiện MRA (thỏa thuận mang tính toàn cầu về đo lường).



MRA (Mutual Recognition Arrangement): Thoả thuận mang tính toàn cầu về đo lường



Máy phân tích quang phổ

Thực hiện MRA về cơ bản chỉ nhằm tránh việc lặp lại công tác đo kiểm và chứng nhận hợp chuẩn một cách không cần thiết. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế các đơn vị sản xuất thường phải đối mặt với yêu cầu thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn, trong khi quy định kỹ thuật và trình độ đo lường thử nghiệm ở mỗi quốc gia khác nhau và do đó tạo ra rào cản kỹ thuật trong thương mại. Để tránh phải thử nghiệm, chứng nhận lặp lại nhiều lần theo những quy định khác nhau, các quy định kỹ thuật phù hợp về đo lường thử nghiệm có vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại thuận lợi. Điều đó đòi hỏi chứng minh quá trình thử nghiệm phải liên kết với chuẩn đo lường quốc tế, nhằm đảm bảo mọi quá trình đo, thử nghiệm, kiểm định phương tiện đo là phù hợp và đảm bảo chất lượng.

MRA yêu cầu chứng minh được tính đúng đắn của kết quả thử nghiệm bằng cách đảm bảo chất lượng của cả hệ thống quản lý và kỹ thuật. Biện pháp làm được việc này là thể hiện có một hệ thống chất lượng đáp ứng những yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 công bố lần thứ nhất năm 1999 (ISO/IEC 17025:1999) và lần thứ hai năm 2005 (ISO/IEC 17025:2005) “Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn”. Việc tham gia MRA về đo lường góp phần tạo nên cơ sở khoa học kỹ thuật vững chắc cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hệ thống phòng thử nghiệm ISO/IEC 17025.



Máy thử cơ tính

Hệ thống chất lượng này bao gồm: Cơ cấu tổ chức- quản lý; các thủ tục, quy định; các phương pháp đo, thử nghiệm, các hướng dẫn công việc, các nguồn lực cần thiết để đảm bảo việc duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng như trang thiết bị, mẫu chuẩn, đội ngũ cán bộ, môi trường, mặt bằng...

Hệ thống chất lượng phải đảm bảo phù hợp “Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn” ISO/IEC17025. Theo yêu cầu đó, phòng thử nghiệm thiết lập, thực hiện và duy trì một hệ thống chất lượng phù hợp

với phạm vi hoạt động của mình. Các yếu tố của hệ thống chất lượng được lập thành văn bản và đảm bảo rằng nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi người, sự phù hợp và hợp tác giữa các bộ phận và cá nhân được quy định rõ ràng; việc thực hiện kế hoạch chất lượng cũng như toàn bộ các hoạt động liên quan đến chất lượng các phép đo, thử nghiệm do phòng thử nghiệm tiến hành phải được kiểm soát và lưu trữ.

b. Bộ phận quản lý chất lượng:

Phòng quản lý chất lượng có tên cũ trước 07/2007 là PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (Phòng KCS) nhà máy thép Thủ Đức, Công ty thép Miền Nam. Đến 07/2007 phòng KCS đổi tên thành **Phòng Quản lý Chất lượng** nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty về chủng loại sản phẩm và thực hiện những đòi hỏi của hệ thống quản lý chất lượng.

Phòng quản lý chất lượng xây dựng và áp dụng ISO/IEC17025:1999 được Văn phòng công nhận chất lượng VILAS công nhận từ năm 2003. Tiêu chuẩn quốc tế về công nhận phòng thử nghiệm “Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm & hiệu chuẩn” ISO/IEC 17025 khi có phiên bản mới 2005 ban hành 05/2005 . Phòng quản lý chất lượng xây dựng chuyển đổi sang ISO/IEC 17025:2005 thay thế cho phiên bản ISO/IEC 17025:1999 từ 4/2007.

Lĩnh vực phép thử được công nhận: cơ học (thử kéo, thử uốn) , hóa học (vật liệu thử là thép cacbon và thép hợp kim).

c. Tiêu chuẩn thử nghiệm / lấy mẫu

Phòng thử nghiệm áp dụng các phương pháp thử tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia khác, tùy vào điều kiện thực tế và yêu cầu khách hàng. Phòng QLCL chỉ nhận thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng khi phương pháp yêu cầu là phương pháp tiêu chuẩn và phù hợp với năng lực của phòng thử nghiệm.

Tên phép thử	Giới hạn phát hiện/phạm vi đo	Phương pháp thử
Thử kéo Tensile test	Max 850 kN	- TCVN 197 – 2002(ISO 6892 : 1998) - JIS Z 2241 – 1998 - GOST 12004 - 81 - ASTM A 370 – 03a
Thử uốn Bend test		- TCVN 198 – 85 - TCVN 6287 – 97(ISO 10665:1990)

		- JIS Z 2248 – 1996 - GOST 14019 - 80 - ASTM A 370 – 03a
Phân tích Quang phổ (Các nguyên tố: C, Mn, Si, P, S, Cr, Ni, Cu.) Optical spectrometric Analysis (Determination of elements: C, Mn, Si, P, S, Cr, Ni, Cu.)		ASTM E415 -95

- Thực hiện việc lấy mẫu đúng quy định (nguồn phối nhập áp dụng TCVN 2600-78) và ghi lại đầy đủ các yếu tố được kiểm soát để đảm bảo giá trị của kết quả thử nghiệm.
- Các dữ liệu lấy mẫu được ghi chép chi tiết phù hợp với từng loại mẫu và được thông báo cho những người có liên quan.

d. Thiết bị thử nghiệm


Đảm bảo các thiết bị đưa vào sử dụng luôn chính xác, đủ độ tin cậy, ngăn ngừa những hỏng hóc có thể xảy ra. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các số liệu đo đạc trên thiết bị để bảo đảm tính chính xác. Duy trì bảo dưỡng thiết bị.

Để đảm bảo các phép thử nghiệm hoặc hiệu chỉnh liên kết với hệ đơn vị quốc tế, phòng thực hiện nối chuẩn qua việc kiểm định thiết bị định kỳ. Đảm bảo tất cả các thiết bị sử dụng cho công việc thử nghiệm có ảnh hưởng đáng kể đến độ chính xác kết quả thử nghiệm được hiệu chuẩn trước khi đưa vào sử dụng. Các thiết bị đưa vào sử dụng luôn chính xác, đủ độ tin cậy.

Các thiết bị thử nghiệm chính hiện sử dụng tại phòng quản lý chất lượng:

- **SPECTROMAXX** sử dụng mẫu chuẩn có chứng nhận kèm theo (Certificate of analysis).
- **GOTECH 7100-LC100** (lực kéo 1000 kN) được kiểm định định kỳ 12 tháng/lần.

6.4 Thành tích đã đạt được

	Năm 2007 Nhà máy Thép Thủ Đức được Nhà nước phong tặng Huân chương lao động hạng III
---	--

	<p>Đồng chí Lê Hữu Việt, nguyên là trưởng phòng kỹ thuật (Giám đốc Nhà máy Thép Thủ Đức từ năm 1995 đến năm 2003) được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới</p>
	<p>Năm 2009 - Công ty CP Thép Thủ Đức nằm trong danh sách "500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" do báo Vietnamnet phối hợp với VTV1 và Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) bầu chọn.</p>

6.5 *Nhãn hiệu đăng ký*



Nhằm bảo hộ bản quyền nhãn hiệu, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức đã chính thức được Bộ Khoa học và công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp ‘Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu’ “TDSteel” theo số: 132894 cấp theo Quyết định ngày 07/09/2009.

6.6 *Các khách hàng – đối tác*



Công trình thủy điện Đại Ninh



Công ty Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang



Công ty Cổ Phần Nước Thủ Đức



Công ty Thép Miền Nam

Tòa Nhà Cantavil



Công ty Thép Tây Đô

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm	Quý I/2011
Tổng giá trị tài sản	337.555.573.889	489.462.096.823	45%	440.011.166.655
Doanh thu thuần	1.290.691.878.458	1.622.816.595.894	25,7%	359.702.513.096
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89.097.217.151	59.760.070.848	(32,9%)	15.127.236.034
Lợi nhuận khác	2.767.493	832.899.864	299%	(36.999.967)
Lợi nhuận trước thuế	89.099.984.644	60.592.970.712	(32%)	15.090.236.067
Lợi nhuận sau thuế	78.842.484.055	45.398.864.525	(42,4%)	11.317.677.050
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	23%	25%	8,69%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Thuận lợi

- Các chính sách kích thích kinh tế của Nhà nước giúp tăng nhu cầu thép xây dựng, tạo thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh.
- Hoạt động theo mô hình cổ phần với cơ chế hợp tác toàn diện với Tổng công ty Thép Việt Nam nên có được sự hỗ trợ của Tổng công ty Thép Việt Nam về nhiều mặt từ thị trường tiêu thụ đến thương hiệu của sản phẩm
- Đội ngũ lao động đã tinh gọn hơn, người lao động đoàn kết; tinh thần, trách nhiệm với công việc cao hơn.

Khó khăn

- Trình độ công nghệ, thiết bị của Công ty ở mức trung bình, không đồng bộ, mặc dù năm 2009 có nhiều đầu tư, khả năng cạnh tranh không cao.
- Cạnh tranh gay gắt về giá bán giữa các nhà sản xuất do cung vượt cầu lớn.
- Còn tồn kho nguyên liệu giá cao từ 2008 ảnh hưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1 Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức là nhà phân phối thép công nghiệp lớn và có uy tín tại Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm khoảng 50 năm trong lĩnh vực sản xuất thép, Công ty chiếm lĩnh khoảng 13% thị phần thép trong nước. Tốc độ phát triển doanh thu hằng năm của công ty khá cao. Một số thế mạnh của Công Ty Cổ Phần Thép Thủ Đức so với các doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành là:

- Là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thép công nghiệp, Công Ty Cổ Phần Thép Thủ Đức đã xây dựng mạng lưới phân phối trải rộng trong cả nước và các ngành kinh tế kỹ thuật.
- Là công ty con của Tổng Công Ty Thép Việt Nam nên tiếp xúc từ nguồn vốn vay dễ dàng từ công ty mẹ.
- Công ty có các trang thiết bị máy móc, công nghệ hiện đại và ưu việt hơn các doanh nghiệp khác. Do đó, Công ty đã chủ động về sản phẩm và giá thành rẻ hơn các công ty khác, quy cách hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng.
- Công ty có lượng lao động ổn định, có trình độ chuyên môn cao.
- Ban lãnh đạo Công ty là những người tâm huyết, có tầm nhìn và hoạch định chiến lược cho công ty.

8.2 *Triển vọng phát triển của ngành:*

Thép là vật tư quan trọng trong ngành công nghiệp, xây dựng, có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Việt Nam đã xác định ngành thép là ngành công nghiệp ưu tiên phát triển hàng đầu. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây Việt Nam duy trì tốc độ trung bình khoảng 8%-đây là con số khá ấn tượng đối với các nước trong khu vực và thế giới.

Theo quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04/09/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc quy hoạch phát triển ngành thép 2007-2025

- Phát triển ngành thép Việt Nam phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội các địa phương và lộ trình hội nhập của Việt Nam.
- Xây dựng ngành thép Việt Nam với công nghệ tiên tiến hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên của đất nước, bảo đảm hài hòa với bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn phát triển ngành thép.
- Coi trọng và khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước liên kết, hợp tác với nước ngoài đầu tư xây dựng một số tổ hợp mỏ luyện kim, nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm thép đẹp quy mô lớn.

Do đó mục tiêu phát triển tổng thể của ngành thép Việt Nam là đáp ứng tối đa nhu cầu các sản phẩm thép của nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu.

Đơn vị tính: triệu tấn

Nhu cầu	Sản phẩm	2010	2015	2020	2025
Trong nước	Thép thô	3,5-4,5	6-8	9-11	12-15
	Thép thành phẩm	6,3-6,5	11-12	15-18	19-22
Xuất khẩu	Gang thép	0,5-0,7	0,7-0,8	0,9-1	1,2-1,5

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành thép 2007- 2025

8.3 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:*

Gia nhập WTO, Việt Nam có nhiều cơ hội và thách thức trên thị trường nội địa và quốc tế đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đã xúc tiến xây dựng thương hiệu trong và ngoài nước.

Ngoài ra, công ty cũng đã thiết lập lộ trình hội nhập để chủ động tận dụng các cơ hội và ứng phó với thách thức của thị trường. Công ty đang thực hiện nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, từ đó đưa ra chiến lược kinh doanh đúng đắn, đạt hiệu quả cao, xây dựng Thép Thủ Đức thành thương hiệu lớn.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1 Số lượng người lao động trong công ty:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	433	100
- Trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học	88	20,33
- Trình độ trung cấp	12	2,78
- Trình độ sơ cấp	02	0,46
- Công nhân kỹ thuật	84	19,4
- Lao động phổ thông	247	57,04
Theo loại hợp đồng lao động	433	100
- Hợp đồng không thời hạn	422	97,46
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	01	0,23
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	10	2,31
Theo giới tính	433	100
- Nam	417	96,3
- Nữ	16	3,7
Theo tính chất lao động	433	100
- Lao động trực tiếp	257	59,35
- Lao động gián tiếp	176	40,65

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Sắp xếp tinh giản bộ máy quản lý doanh nghiệp, các phòng, phân xưởng đảm bảo gọn nhẹ, không chồng chéo về chức năng, tăng cường áp dụng công nghệ tin học vào quản lý, duy trì hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000.

Sử dụng tối đa nguồn lao động, thường xuyên đào tạo trang bị kiến thức mới cho người lao động nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện đầy đủ các chế

độ cho người lao động; trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép và nâng cao điều kiện làm việc.

Xây dựng quy chế tiền lương đảm bảo thu nhập hợp lý cho người lao động theo vị trí công việc.

10. Chính sách cổ tức:

- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo yêu cầu của pháp luật.
- Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện chi trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, số cổ phần, từng loại cổ phần, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm, địa điểm và phương thức trả cổ tức.
- Công ty sẽ không trả tiền lãi phát sinh từ cổ tức hoặc bất kỳ khoản tiền nào cho cổ đông trong khoảng thời gian từ lúc ra thông báo yêu cầu cổ đông đến nhận cổ tức cho đến lúc cổ đông đến nhận cổ tức.
- Cổ đông chuyên nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyên nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
- Trường hợp việc thanh toán cổ tức trái với quy định của pháp luật thì tất cả các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận, trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của Công ty.
- Công ty cổ phần hóa từ cuối năm 2007; năm 2008 chưa có lợi nhuận nên chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông, cổ tức năm 2009 là 23%, trong đó 13% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phần.

11. Tình hình hoạt động tài chính :

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Trích khấu hao TSCĐ:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

07-50 năm

Máy móc, thiết bị	06-12 năm
Phương tiện vận tải	06-12 năm
Thiết bị văn phòng	03-10 năm

Mức lương bình quân

Năm 2008: 4.500.000 đ/người/tháng

Năm 2009: 5.400.000 đ/người/tháng.

Thu nhập trên so với trung bình ngành và Tp. HCM ở mức khá.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện tốt các khoản phải nộp theo luật định. Chi tiết số dư các khoản thuế phải nộp qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	Quý I/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.624.478.932	3.920.355.443	3.772.559.017
Thuế thu nhập cá nhân	-	531.254.000	-
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.280.205.856
Các loại thuế khác	-	-	11.572.000
Tổng cộng	1.624.478.932	4.451.609.443	7.064.336.873

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

Trích lập các quỹ theo luật định:

Tổng lợi nhuận trong năm của Công ty, sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước là lợi nhuận sau thuế thuộc sở hữu của công ty. Việc phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo nguyên tắc và trình tự sau:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận.
2. Hội đồng quản trị ban hành quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
3. Tổng giám đốc thực hiện sử dụng các Quỹ lợi nhuận sau thuế theo quy chế của hội đồng quản trị.

Số dư các quỹ năm 2009 -2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Quỹ khen thưởng phúc lợi	320.452.909	359.114.809	228.414.809
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.675.157.283	1.675.157.283
Tổng cộng	320.452.909	2.034.272.092	1.903.572.092

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Vay ngắn hạn	29.069.941.425	244.394.579.868	160.336.855.108

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

Công ty không có các khoản vay dài hạn.

Tình hình công nợ hiện nay :

Đơn vị tính: đồng

Các khoản phải thu		2009	2010	Quý I/2011
1	Phải thu của khách hàng	3.935.002.431	63.621.497.921	69.816.932.257
2	Trả trước cho người bán	332.050.500	5.173.825.091	6.221.676.196
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	15.978.396	525.948.577	516.229.650
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

Đơn vị tính: đồng

Các khoản phải trả	2009	2010	Quý I/2011
Nợ ngắn hạn	177.964.459.245	302.785.718.330	241.395.551.594

1	Vay và nợ ngắn hạn	29.069.941.425	244.394.579.868	160.336.855.108
2	Phải trả cho người bán	48.481.734.322	36.339.445.536	53.852.310.711
3	Người mua trả tiền trước	86.205.861.383	710.866.312	970.698.198
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.624.478.932	4.451.609.443	7.064.336.873
5	Phải trả người lao động	8.489.935.897	13.186.142.082	8.492.159.115
6	Chi phí phải trả	361.876.084	841.473.049	7.173.080.235
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.410.178.293	2.502.487.231	3.277.696.545
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	320.452.909	359.114.809	228.414.809
Nợ dài hạn		138.971.652	301.602.308	262.930.558
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	138.971.652	301.602.308	262.930.558

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011

Phần thặng dư vốn :

Theo các Báo cáo tài chính kiểm toán từ khi Công ty cổ phần Thép Thủ Đức (được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước : Chi nhánh Tổng Công ty Thép Việt Nam – Công ty Thép Thủ Đức), phần nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty có khoản Thặng dư vốn cổ phần là 17.708.334.281 đồng. Phần thặng dư vốn này là phần Giá trị thặng dư để lại cho Công ty cổ phần Thép Thủ Đức theo Biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn, lao động giữa Tổng Công ty Thép Việt Nam và CTCP Thép Thủ Đức (tại thời điểm ngày 01/01/2008).

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu		2009	2010	% tăng/giảm
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,57	1,36	(13,62%)
-	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho	0,08	0,48	530,06%

Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,62	17,36%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,12	1,63	45,59%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	6,48	5,68	(12,28%)
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,82	3,32	(13,29%)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,11%	2,8%	(54,20%)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	65,35%	26,26%	(59,82%)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	23,36%	9,28%	(60,29%)
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,90%	3,68%	(46,65%)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

a. Danh sách

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
Hội đồng quản trị			
- Hoàng Ngọc Oanh	Chủ tịch HĐQT	1956	021140993
- Nguyễn Tiến Thịnh	Ủy viên HĐQT	1957	023000530
- Phan Văn Trúc	Ủy viên HĐQT	1955	023995116
- Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên HĐQT	1963	024188011
- Trịnh Chính Sinh	Ủy viên HĐQT	1970	030944543
Ban kiểm soát			
- Đỗ Thị Long Châu	Trưởng ban kiểm soát	1978	023017810
- Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên ban kiểm soát	1961	021100447
	Thành viên ban kiểm soát	1955	023869231

- Phạm Văn Long			
Ban Tổng Giám Đốc			
- Hoàng Ngọc Oanh	Tổng Giám Đốc	1956	021140993
- Nguyễn Xuân Tiến	P.Tổng Giám Đốc	1963	024188011
- Cao Anh Kiệt	P.Tổng Giám Đốc	1964	022633850
Kế toán trưởng			
- Dương Minh Chính	Kế toán trưởng	1967	022970676

b. Sơ yếu lý lịch

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Ngọc Oanh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty			
Ngày/tháng/năm sinh	20/06/1956	Địa chỉ thường trú	C14 đường Bùi Văn Ba, Tân Thuận Đông, Q.7, Tp.HCM
Nơi sinh	Ninh Bình	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Số CMND 021140993	Ngày cấp 07/09/2001
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Luyện Kim – Đại học Bách Khoa Hà Nội		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • 1989 – 1980: Kỹ thuật viên, trưởng ca, Luyện thép Tân Bình • 1980 – 2003: Làm việc tại thép Tân Thuận <ul style="list-style-type: none"> - 1982: Phó Quản đốc phân xưởng Fero Hkim - 1988: Quản đốc phân xưởng - 2003: Phó Giám đốc • 2003 – 2004: Phó Giám đốc thép Thủ Đức • 2004 – 2005: Tổng Giám đốc Liên doanh Mạ Vingal • 2005 – 2006: Phó Giám đốc Thép Nhà Bè • 2006 – 2007: Giám đốc công ty Thép Đà Nẵng • 2008 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010	5.500 cổ phiếu (0,045%)		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Ông Nguyễn Tiến Thịnh – Ủy viên HĐQT			
Ngày/tháng/năm sinh	10/12/1957	Địa chỉ thường trú	52/3 Đường 6 – Bình Trưng Tây, Quận 2 – TP Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Sóc Sơn – Hà Nội	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	10/10
Dân tộc	Kinh	Số CMND 023000530	Ngày cấp 29/02/2008
Trình độ chuyên môn	Đại học		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • 1980 – 1990: Công tác tại phòng Cung tiêu Công ty Thép Miền Nam • 1990 – 1997: Công tác tại phân xưởng Cơ điện Công ty Thép Thủ Đức • 1997 – 2003: Công tác tại phân xưởng luyện Công ty Thép Thủ Đức • 2003 – Nay: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Công ty Thép Thủ Đức 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Ủy viên HĐQT Công ty Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Thép Thủ Đức	
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010		- Cá nhân: 3080 cp (0,025%)	
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm		Không	
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)		Không	
Thù lao		Theo quy định của Công ty	
Các khoản lợi ích khác (nếu có)		Không	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		Không	

Ông Phan Văn Trúc – Ủy viên HĐQT			
Giới tính	Nam	Quê quán	
Ngày/tháng/năm sinh	10/06/1955	Địa chỉ thường trú	24 D5 CX 304 Điện Biên Phủ P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Nơi sinh	Bắc Trạch – Bố Trạch – Quảng Bình	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	10/10
Dân tộc	Kinh	CMND số 023995116	Ngày cấp:
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> Tháng 03/1979 – 02/1989: Làm việc tại nhà máy Thép Thủ Đức, Công ty Thép Miền Nam Tháng 3/1999 – Nay: Làm việc tại văn phòng công ty Thép miền Nam, nay là tổng Công ty Thép Việt Nam 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Ủy viên HĐQT Công ty	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Phó trưởng phòng tổ chức lao động Tổng công ty Thép Việt Nam Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần lưới Thép Bình Tây UV HĐQT Công ty TNHH Vingal	
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010		Không	
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm		Không	
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)		Không	
Thù lao		Theo quy định của Công ty	
Các khoản lợi ích khác (nếu có)		Không	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		Không	

Ông Nguyễn Xuân Tiên - Ủy viên HĐQT			
Giới tính	Nam	Quê quán	
Ngày/tháng/năm sinh	15/04/1963	Địa chỉ thường trú	98/2 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM
Nơi sinh	Quảng Trị	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 024188011	Ngày cấp: 19/08/2003
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Luyện kim		
<p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1987 – 1990: Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật • 1990 – 1992: Trưởng ca sản xuất phân xưởng Luyện thép • 1992 – 1997: Phó Quản đốc phân xưởng Luyện thép • 1997 – 2001: Quản đốc phân xưởng Luyện thép • 2001 – 2006: Trưởng phòng kỹ thuật • 2006 – 2007: Quản đốc phân xưởng Luyện thép • 2007 – 2008: Phó giám đốc Công ty Thép Thủ Đức • 2008 – Nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thép Thủ Đức <p>Từ năm 1987 đến nay chỉ công tác tại Nhà máy Thép Thủ Đức sau đổi thành Công ty Thép Thủ Đức và nay là Công ty cổ phần Thép Thủ Đức</p>			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010	2090 cổ phần (0,017%)		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Ông Trịnh Chính Sinh – Ủy viên HĐQT			
Ngày/tháng/năm sinh	27/09/1970	Địa chỉ thường trú	Số 113 Tân Vĩnh, P.6, Q.4, Tp.HCM
Nơi sinh	Hải Phòng	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 030944543	Ngày cấp:
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Đại học Kinh tế		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • Trước năm 1994: Học và sinh sống tại Hải Phòng • Từ 8/1994 đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Gemadept Tp.Hcm (Từ 2007: Công tác tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Phước Long) 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Ủy viên HĐQT Công ty Thép Thủ Đức	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Phước Long	
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010		Không	
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm		Không	
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)		Không	
Thù lao		Theo quy định của Công ty	
Các khoản lợi ích khác (nếu có)		Không	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		Không	

Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Long Châu – Trưởng Ban Kiểm Soát			
Giới tính	Nữ		
Ngày/tháng/năm sinh	21/08/1978	Địa chỉ thường trú	18 Sơn Cang, P12, Q. Tân Bình, Tp.HCM
Nơi sinh	Tp.HCM		
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	CMND số 023017810	Ngày cấp:
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> Từ năm 2000 đến nay: Công tác tại phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Thép Việt Nam 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát Kế toán		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ban kiểm soát công ty Vinga, công ty Lưới Thép Bình Tây		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm	Không		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Bà Nguyễn Thị Thu Giang – Thành viên Ban Kiểm Soát			
Giới tính	Nữ		
Ngày/tháng/năm sinh	17/12/1961	Địa chỉ thường trú	5/86k Nơ Trang Long, P.7, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
Nơi sinh	Sài Gòn		
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	CMND số 021100447	Ngày cấp 23/03/2006
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ĐH Kinh tế – Khoa Kế toán Kiểm toán Cử nhân ĐH SPKT – Kỹ thuật Nữ công		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> Từ năm 1983: Tốt nghiệp ĐH SPKT về làm việc tại Nhà máy Thép Thủ Đức đến nay 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó phòng TC-KT		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010	10.000 cp (0,082%)		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Ông Phạm Văn Long – Thành viên Ban Kiểm Soát			
Giới tính	Nam		
Ngày/tháng/năm sinh	02/04/1955	Địa chỉ thường trú	43 D3 Cư xá 304 P.25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Thái Bình		
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	10/10
Dân tộc	Kinh		
Trình độ chuyên môn	Đại học Kỹ sư cơ khí		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • 1980 – 1992: Cục Hàng Hải Việt Nam, 11 Võ Thị Sáu, Hải Phòng • 1992 – 2009: Công ty cổ phần Đại lý Liên Hiệp vận chuyên (GEMADEPT) • 2008 – 2009: Công ty TNHH một Thành viên cảng Phước Long 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Thép Thủ Đức		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010	Không		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Hoàng Ngọc Oanh Tổng Giám Đốc Vui lòng xem SYLL ở HĐQT
 Ông Nguyễn Xuân Tiến P. Tổng Giám Đốc Vui lòng xem SYLL ở HĐQT

Ông Cao Anh Kiệt – Phó Tổng Giám đốc			
Giới tính	Nam	Quê quán	
Ngày/tháng/năm sinh	29/03/1964	Địa chỉ thường trú	9, Lê Hồng Kiêu, Nguyễn Thái Bình, Quận I, TPHCM
Nơi sinh	TP.HCM	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Số CMND 022633850	Ngày cấp 15/06/2006
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • 1981-1986: SV Đại Học Bách khoa TPHCM • 1986-1988: Kỹ thuật viên, PX Cơ điện, Nhà máy thép Thủ Đức • 1988-1998: Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật Nhà máy thép Thủ Đức • 1998-2001: Phó phòng kỹ thuật Nhà máy thép Thủ Đức • 2001-2008: Quản đốc PX cơ điện, Nhà máy thép Thủ Đức • 2008- nay: Phó tổng giám đốc Công ty thép Thủ Đức 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó tổng giám đốc Công ty Thép Thủ Đức		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 30/10/2010	2.200 cp (0,0179%)		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

Ông Dương Minh Chính - Kế toán trưởng			
Giới tính	Nam	Quê quán	
Ngày/tháng/năm sinh	01/06/1967	Địa chỉ thường trú	3 – 5 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
Nơi sinh	Hà Tây	Điện thoại	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 022970676	Ngày cấp : 07/04/2006
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Đại học Kinh tế		
Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> • Trước năm 1986: Đi học phổ thông tại TP.HCM • 1986 – 1992: Đi bộ đội – Học tại trường Sĩ Quan Kỹ thuật Vinhempic – Công tác tại trường Kỹ thuật ô tô Nha Trang (Tổng Cục Kỹ thuật) • 1992 – 1996: Học tại trường ĐH Kinh tế Tp.HCM • 1996 – nay: Công tác tại Công ty Thép Miền Nam và Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng Công ty CP Thép Thủ Đức		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu đến ngày 30/10/2010	11.970 cp (0,098%)		
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không		
Thù lao	Theo quy định của Công ty		
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không		

13. Tài sản hữu hình (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty):

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	Quý I/2011
Nguyên giá	177.982.365.983	205.441.560.145	211.966.474.924
Hao mòn lũy kế	131.213.005.358	145.029.840.862	(149.293.515.952)
Giá trị còn lại	46.769.360.625	60.411.719.283	62.672.958.972

Hiện công ty đang thuê lô đất diện tích 64.366 m² của Nhà Nước tại Thủ Đức để làm nhà máy và trụ sở công ty.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:**Về sản lượng:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	% tăng/giảm
Sản xuất				
- Phôi thép	Tấn	94.077	110.000	16,93%
-Thép cán của Công ty	Tấn	124.377	130.000	4,52%
-Thép cán gia công	Tấn	15.919	-	
-Oxy	m ³	3.205.220	3.350.000	4,52%
Tiêu thụ				
-Thép cán	Tấn	126.855	128.000	0,90%
Kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	60,6	60	(0,99%)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	45,4	44,9	(1,10%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DTT	%	2,8	2,54	(9,3%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	24,4	24,1	(1,2%)
Cổ tức	%	25%	20%	(20%)

Nguồn : Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2011

b. Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Công ty đã đề ra những biện pháp sau đây nhằm đạt được mục tiêu sản xuất – kinh doanh trong năm 2011:

- Khai thác hiệu quả các công trình đầu tư đã thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp quản lý giảm chi phí sản xuất, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thực hành tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, v.v...
- Tiếp tục hoàn thiện các qui chế, qui định trong công tác điều hành nhằm mang lại hiệu quả cao.
- Tổ chức lao động hợp lý nâng cao năng suất lao động, hiệu quả và thu nhập của CBCNV.
- Quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.
- Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008.
- Tăng cường công tác thu thập, phân tích thông tin thị trường làm cơ sở điều hành sản xuất kinh doanh, tồn kho hợp lý để giảm chi phí tài chính. Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, xây dựng nhiều biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.
- Giữ tồn kho vật tư, nguyên liệu cho sản xuất hợp lý nhất nhằm giảm chi phí vốn. Khi thị trường tốt mới có kế hoạch dự phòng vật tư cao hơn, phù hợp nhu cầu. Tăng cường mua liệu nội địa chất lượng tốt, chỉ mua liệu nhập khẩu khi cần thiết.
- Không sản xuất bằng mọi giá hoặc chạy theo sản lượng, mọi hoạt động phải bám mục tiêu mục tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận Công ty.
- Đẩy mạnh sản xuất phôi thép để tạo chủ động trong việc cung cấp phôi cho cán, bót phụ thuộc phôi ngoài để tăng hiệu quả sản xuất. Nâng sản lượng luyện lên 12.000 tấn/tháng. Nâng cao chất lượng phôi SD390 và Gr60 và đa dạng hoá sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, Công ty xem xét chiến lược phát triển CTCP Thép Thủ Đức đến năm 2020, trong đó từ nay đến 2015 phát huy cơ sở hiện có, mục tiêu 2016 đến 2018 xây dựng nhà máy mới công suất luyện và cán 500.000 tấn/năm.

- Lập **“Chiến lược phát triển Thép Thủ Đức đến năm 2020”** để có chiến lược dài hạn cho phát triển công ty (đã làm việc với Tư Vấn Luyện Kim-VNS)
 - Xem xét đầu tư ngắn hạn, hợp lý những hạng mục cần thiết để phát huy cơ sở sẵn có.
 - Phối hợp với Ban Ngành Thành phố Hồ Chí Minh lập quy hoạch 1/500 và chuyển mục đích sử dụng khu đất hiện tại, khi có quy hoạch của Thành Phố để di dời. Việc làm sớm sẽ tạo điều kiện có quy hoạch phù hợp và hiệu quả cho Công ty khi di dời.
 - Tiến hành khảo sát địa điểm để xây dựng nhà máy mới khi phải di dời: Đã khảo sát tại Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, hiện có 01 địa điểm tại Long An khá phù hợp.
- c. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.**
- Tiếp tục hoàn thiện các khâu công nghệ chính luyện thép và cán thép để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
 - Thay máy phân đoạn mà hiện tại là cắt đĩa bằng máy cắt bay nhằm giảm tiêu hao kim loại.
 - Cải tạo sàn nguội thành phẩm thép thanh.
 - Tăng công xuất oxy phục vụ sản xuất phôi thép.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch :

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 VNĐ
3. **Tổng số chứng khoán ĐKGD:** 12.225.393 cổ phiếu.
4. **Phương pháp tính giá:**

a. Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

$$\begin{array}{l} \text{Giá sổ} \\ \text{sách} \\ \text{cổ phần} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{(không bao gồm Quỹ khen} \\ \text{thưởng, phúc lợi)}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{186.374.776.185}{12.225.393} = 15.245 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2011

$$\begin{array}{l} \text{Giá sổ} \\ \text{sách} \\ \text{cổ phần} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{(không bao gồm Quỹ khen} \\ \text{thưởng, phúc lợi)}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{198.352.684.503}{12.225.393} = 16.225 \text{ đồng}$$

(Nguồn : BCTC kiểm toán năm 2010, BCTC Quý I/2011)

b. Phương pháp so sánh chỉ số P/E

Theo phương pháp so sánh chỉ số P/E, Giá đăng ký giao dịch dự kiến được xác định như sau :

Giá đăng ký giao dịch dự kiến = EPS năm 2010 x Chỉ số P/E bình quân
Chỉ số P/E bình quân dựa vào chỉ số P/E của các doanh nghiệp cùng ngành thép với CTCP Thép Thủ Đức đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

c. Tổng hợp các phương pháp tính giá

Giá dự kiến đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Thủ Đức trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là trung bình giá của ba phương pháp trên, gồm Phương pháp giá trị sổ sách, Phương pháp so sánh chỉ số P/E.

Giá dự kiến đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Thủ Đức trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội này sẽ được đăng ký sau với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội khi công ty đăng ký ngày giao dịch đầu tiên.

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài

Sau khi đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên Sở Giao dịch Chứng khoán nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phần phát hành ra công chúng.

6. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán đăng ký giao dịch):

Thuế nhập khẩu:

Thuế suất đối với các mặt hàng thép nhập khẩu của Công ty được quy định tại Biểu thuế nhập khẩu hiện hành do Bộ tài chính ban hành.

Thuế giá trị gia tăng:

Thuế suất thuế GTGT hiện đang áp dụng đối với Công ty được quy định tại Biểu thuế GTGT hiện hành do Bộ tài chính ban hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất áp dụng với Công ty là 25%.

Thuế Thu nhập cá nhân: theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu các loại thuế và phí khác theo quy định của pháp luật

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**Tổ chức tư vấn và cam kết bảo trợ****Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT****Trụ sở chính**

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

Tổ chức kiểm toán**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán – AASC**

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại : 84 – 4 – 8241990/1 Fax : 84 – 4 – 8253973

Email : aasc-ndd@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục II: Điều lệ công ty.

Phụ lục III: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010.

Trên đây là nội dung Bản công bố thông tin Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức để đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trân trọng công bố đến Quý cơ quan và nhà đầu tư.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2011

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC	
<u>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC</u>	
HOÀNG NGỌC OANH	
<u>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</u>	<u>KẾ TOÁN TRƯỞNG</u>
ĐỖ THỊ LONG CHÂU	DƯƠNG MINH CHÍNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ CAM KẾT HỖ TRỢ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN TPHCM
<u>GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH</u>
NGUYỄN VĂN TRUNG